

Bản án số: 1372023/HNGĐ- ST

Ngày: 16-11-2023

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Nhắc

2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 398/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị N**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Anh Mai Quốc M**, sinh năm 1987; Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị N và anh M có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2023, bản tự khai cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh M do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang vào ngày 01/7/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Mai Quốc K, sinh ngày 01/01/2020. Đến năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M chơi bời, ghen tuông vô cớ, chửi mắng chị nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã

ly thân từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh M.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Trong quá tố tụng cũng như tại phiên tòa anh Mai Quốc M trình bày:

Anh thống nhất với chị N về điều kiện kết hôn, hoàn cảnh tiến đến hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân cũng như con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, chị N xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con. Trường hợp có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh yêu cầu như sau:

Về con chung: anh yêu cầu chị N giao con chung để anh trực tiếp nuôi dưỡng , không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh M cụ thể:

+ Về hôn nhân: chị N và anh M được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Quốc K, sinh ngày 01/01/2020, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: chị N và anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: chị N và anh M khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2023 của chị Nguyễn Thị N đối với anh Mai Quốc M thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Mai Quốc M có nơi cư trú tại xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Mai Quốc M tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 01/7/2019 tại UBND xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ anh M và chị N đã có thời gian ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, đồng thời chị N xác định không còn tình cảm với anh M. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh M là phù hợp.

2.2. Về con chung:

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị N và anh Mai Quốc M có 01 con chung tên Mai Quốc K, sinh ngày 01/01/2020, chị N và anh M đều có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: cả chị N và anh M đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung nhưng cháu K còn nhỏ và chị N cũng đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh M cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh chị N không đủ điều kiện nuôi con và điều đặc biệt quan trọng là từ lúc bé K sinh ra đến nay anh M không có trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bé K. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu K không bị thay đổi, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử giao cho chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Mai Quốc K đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: chị N và anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: : N và anh M khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và

Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Mai Quốc M, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Mai Quốc M được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Quốc K, sinh ngày 01/01/2020, anh Mai Quốc M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh Mai Quốc M được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung: chị N và anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: N và anh M khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001251 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- UBND xã Định Thủy (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Diễm